

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 11 - 2018
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Ba

Nguyễn Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu 2, thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Khu 2, thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện tại: Thôn N, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 23 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 07 tháng 9 năm 2002. Sau ngày cưới chị C về làm dâu ngay và làm ăn, ở chung với gia đình anh khoảng 01 tháng thì làm ăn riêng nhưng ở chung nhà với gia đình anh. Tình cảm vợ chồng hòa thuận đến tháng 9 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn; tháng 01 năm 2018 sống ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân là do chị C ngoại tình, anh khuyên bảo chị C không nghe mà còn bỏ nhà đi theo người đàn ông khác để vợ người này đến nhà anh tìm chị C (Anh có hình ảnh chị C có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác đã nộp cho Tòa án), vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống không có hạnh

phúc. Nay anh xác định tình cảm không còn, anh xin được ly hôn.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải ngày 17 tháng 8 năm 2018, chị C trình bày: Về thời gian, thủ tục kết hôn, thời gian mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân như anh B trình bày. Nguyên nhân là do anh B ngoại tình (Chị chưa có tài liệu, chứng cứ chứng minh), chị đã khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi mà còn đổ lỗi cho chị ngoại tình. Thời gian đầu mới sống ly thân, chị đã nhiều lần điện thoại khuyên anh B về chung sống cùng mẹ con chị nhưng anh B không đồng ý. Từ khi Tòa án giải quyết vụ án đến nay, chị chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù vậy, tình cảm của chị đối với anh B vẫn còn, chị xin đoàn tụ.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 03 con là Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2004, Nguyễn Văn T, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2014. Theo anh B, hiện tại 02 cháu T và L đang ở với anh, cháu A đang ở với chị C. Ly hôn, anh B xin được tiếp tục nuôi 02 cháu T và L, để chị C tiếp tục nuôi cháu A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị C yêu cầu để anh B nuôi cả 03 cháu, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Hai bên xác nhận không ai giữ tài sản gì của ai.

Về công nợ: Hai bên xác nhận vợ chồng không có tài sản gì cho ai vay và cũng không vay của ai tài sản gì.

Về đất canh tác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Hai bên xác nhận chị C có khoảng 01 tháng làm ăn, ở chung cùng gia đình anh B, trong thời gian này chị C chưa cùng gia đình anh B tạo lập được tài sản gì. Ly hôn, hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị C. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh B để anh được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu là Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Mỹ L; chị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ A; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị C là vợ chồng, anh B yêu cầu xin ly hôn với chị C có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Y, nên Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, chị C đã về ở tại thôn N, xã B, huyện V nên Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc ra quyết định chuyển vụ án. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường tiến hành giải quyết vụ án nhưng do chị C không đến làm việc và chị thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường ra quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc và tại Biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 8 năm 2018 chị C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án, nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, đến tháng 9 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn; tháng 01 năm 2018 sống ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân do anh chị không tin tưởng nhau, nghi ngờ lẫn nhau có quan hệ nam nữ bất chính, dẫn đến cãi chửi nhau. Nay anh B xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn. Chị C xác định tình cảm của chị đối với anh B vẫn còn chị xin đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy anh B và chị C sống ly thân nhau thời gian đã lâu. Tại bản tự khai, chị C không đồng ý ly hôn, nhưng khi Tòa án gửi thông báo về phiên hòa giải nhiều lần chị C không đến làm việc, không có lý do mà tự đến vào thời gian gần hết giờ làm việc hoặc các buổi làm việc không do Tòa án thông báo hay triệu tập. Tòa án đã phân tích cho chị C để chủ động tìm phương pháp dàn xếp tình cảm vợ chồng, nhưng tại phiên hòa giải ngày 17 tháng 8 năm 2018 và đơn đề nghị ngày 28 tháng 9 năm 2018 chị C đều xác định chị chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, vợ chồng vẫn sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau; đề nghị Tòa án cho chị thêm thời gian 02 năm để dàn xếp tình cảm vợ chồng và tạo điều kiện cho con ổn định tâm lý học tập. Điều đó thể hiện chị C không có thiện chí hòa giải, việc xin đoàn tụ là không thực tâm, không vì tình cảm vợ chồng mà chỉ vì các con, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc xin đoàn tụ của chị C không đáp ứng được mà cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Qua thu thập chứng cứ anh B, chị C có 03 người con như anh chị đã xác nhận. Tại phiên tòa, anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 cháu T và L, để chị C tiếp tục nuôi cháu A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị C đưa ra lý do chị đang bị bệnh biểu cổ, không có thu nhập nên không thể nuôi con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị C không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc chị có bệnh làm ảnh hưởng đến sức khỏe và khả năng lao động, mà chị vẫn có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, thực tế từ

khi vợ chồng sống ly thân chị nuôi cháu A, cháu L đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Để giảm bớt khó khăn trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đối với anh B và nguyện vọng của cháu A tha thiết xin ở với chị C. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của chị C được mà cần chấp nhận yêu cầu của anh B là phù hợp.

[4] Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn B được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2006 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2014; giao cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2004. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000đ, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2016/0002075 ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Anh B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Hương